

Số: /QĐ-CĐSL

Sơn La, ngày tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh khối Trung cấp**  
**học kỳ 1, năm học 2025-2026**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA**

*Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐT BXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;*

*Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-CĐSL ngày 03/3/2023 của trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Sơn La;*

*Căn cứ Quyết định 304/QĐ-CĐSL ngày 09/4/2025 của trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy định về Học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Sơn La;*

*Căn cứ Quyết định 316/QĐ-CĐSL ngày 05/5/2026 của trường Cao đẳng Sơn La về việc Kiện toàn Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên và lưu học sinh Lào năm học 2025 - 2026;*

*Căn cứ Biên bản số 57/BB-HĐHBKKHT ngày 18/6/2026 của Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập về việc họp xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh khối trung cấp học kỳ 1, năm học 2025-2026;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Công tác HSSV; Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp học bổng khuyến khích học tập cho 43 học sinh khối trung cấp K61, K62, học kỳ 1, năm học 2025-2026 của trường Cao đẳng Sơn La (có danh sách kèm theo). Trong đó:

Loại Xuất sắc: 07 học sinh

Loại Giỏi: 30 học sinh

Loại Khá: 06 học sinh

**Điều 2.** Học sinh có tên trong Danh sách trên được hưởng 05 tháng/học kỳ. Nguồn kinh phí được trích từ nguồn thu sự nghiệp.

**Điều 3.** Trưởng các phòng: Đào tạo; Kế hoạch - Tài chính; Tổ chức cán bộ - Công tác HSSV; Trưởng các Khoa và học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo nhà trường (Chỉ đạo);
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Đức Long**

**DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**  
**KHỐI TRUNG CẤP K61 HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số                    /QĐ-CĐSL ngày                    /6/2026 của trường Cao đẳng Sơn La

| TT          | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN      |        | NGÀY SINH  | GIỚI | LỚP                        | HỌC KỲ | KQHT |      | KQRL |     | Mức HB  | Khoa          | Số tháng/<br>học kỳ | Số tiền HB<br>5 tháng |
|-------------|------------|----------------|--------|------------|------|----------------------------|--------|------|------|------|-----|---------|---------------|---------------------|-----------------------|
|             |            |                |        |            |      |                            |        | TBC  | XL   | Điểm | XL  |         |               |                     |                       |
| 1           | 1361714008 | Cà Thị Thanh   | Điệp   | 15/09/2009 | Nữ   | TC Hướng dẫn DL K61A       | III    | 3,81 | XS   | 88   | Tốt | HB Giỏi | VH-NT DL      | 5                   | 5.600.000             |
| 2           | 1361538005 | Lường Thị Thúy | Hồng   | 21/02/2009 | Nữ   | TC Pháp luật K61A1         | III    | 3,57 | XS   | 82   | Tốt | HB Khá  | Luật - nội vụ | 5                   | 4.335.000             |
| 3           | 1361705001 | Giàng Thị      | Sua    | 25/10/2009 | Nữ   | TC Tin học U'D K61A1       | III    | 3,21 | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | KT-KT         | 5                   | 6.620.000             |
| 4           | 1361705016 | Lù Lộc         | Thành  | 22/07/2009 | Nam  | TC Tin học U'D K61A1       | III    | 3,79 | XS   | 90   | XS  | HB XS   | KT-KT         | 5                   | 7.370.000             |
| 5           | 1361111013 | Lò Duy         | Đình   | 24/06/2009 | Nam  | TC TT và BVTV K61A1        | III    | 3,2  | Giỏi | 88   | Tốt | HB Giỏi | Nông Lâm      | 5                   | 4.700.000             |
| 6           | 1361111002 | Hà Bích        | Ngọc   | 30/06/2009 | Nữ   | TC TT và BVTV K61A1        | III    | 3,2  | Giỏi | 89   | Tốt | HB Giỏi | Nông Lâm      | 5                   | 4.700.000             |
| 7           | 1361111011 | Hà Đức         | Nguyễn | 23/09/2009 | Nam  | TC TT và BVTV K61A1        | III    | 3,2  | Giỏi | 89   | Tốt | HB Giỏi | Nông Lâm      | 5                   | 4.700.000             |
| 8           | 1361111023 | Cà Tất         | Thành  | 27/07/2009 | Nam  | TC TT và BVTV K61A2        | III    | 3,2  | Giỏi | 89   | Tốt | HB Giỏi | Nông Lâm      | 5                   | 4.700.000             |
| 9           | 1361585009 | Lý Thị         | Sênh   | 08/06/2009 | Nữ   | TC BV MTĐT K61A1 - TC      | III    | 3    | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | KT-KT         | 5                   | 5.600.000             |
| 10          | 1361562004 | Lềm Thị        | Xuân   | 06/10/2007 | Nữ   | TC CNTY K61A1 - QN         | III    | 3    | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm      | 5                   | 4.700.000             |
| 11          | 1361562044 | Dạ Ý           | Hoa    | 16/03/2009 | Nữ   | TC CNTY K61B1 - SM         | III    | 3    | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm      | 5                   | 4.700.000             |
| 12          | 1361538237 | Quảng Văn      | Lâm    | 02/08/2009 | Nam  | TC PL về QLHCC K61B1 - TC  | III    | 3,47 | Giỏi | 93   | XS  | HB Khá  | Luật - nội vụ | 5                   | 4.335.000             |
| 13          | 1361709012 | Sộng A         | Dự     | 22/08/2009 | Nam  | TC CTXH K61A1 - SC         | III    | 3,71 | XS   | 92   | XS  | HB XS   | Luật - nội vụ | 5                   | 6.350.000             |
| 14          | 1361212010 | Vừ A           | Tú     | 10/04/2009 | Nam  | TC Điện nước K61A1 - SM    | III    | 3,73 | XS   | 92   | XS  | HB XS   | KT-KT         | 5                   | 7.370.000             |
| 15          | 1361702052 | Thào A         | Vàng   | 20/04/2009 | Nam  | TC Kế toán DN K61B1 - PY   | III    | 3,14 | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | KT-KT         | 5                   | 4.580.000             |
| 16          | 1361702060 | Giàng Thị      | Dong   | 02/08/2009 | Nữ   | TC Kế toán DN K61B2 - PY   | III    | 3,29 | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | KT-KT         | 5                   | 4.580.000             |
| 17          | 1361718082 | Lò Thị         | Hương  | 28/05/2009 | Nữ   | TC Lâm sinh K61C1 - ML     | III    | 3    | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm      | 5                   | 4.700.000             |
| 18          | 1361718091 | Tông Thị       | Nguyệt | 26/01/2009 | Nữ   | TC Lâm sinh K61C2 - ML     | III    | 3    | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm      | 5                   | 4.700.000             |
| 19          | 1361718104 | Lường Thị      | Vân    | 13/01/2009 | Nữ   | TC Lâm sinh K61C2 - ML     | III    | 3    | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm      | 5                   | 4.700.000             |
| 20          | 1361534036 | Lìm Thị Ánh    | Tuyết  | 28/06/2009 | Nữ   | TC Nghiệp vụ BH K61B1 - QN | III    | 3    | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | KT-KT         | 5                   | 4.580.000             |
| 21          | 1361534048 | Tông Văn       | Vũ     | 31/12/2009 | Nam  | TC Nghiệp vụ BH K61B1 - QN | III    | 3    | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | KT-KT         | 5                   | 4.580.000             |
| 22          | 1361538210 | Mùi Thị        | Vân    | 22/07/2008 | Nữ   | TC PL về QLHCC K61A1-MC    | III    | 3,53 | XS   | 92   | XS  | HB XS   | Luật - nội vụ | 5                   | 5.585.000             |
| 23          | 1361717025 | Thào A Cha     | Mua    | 16/12/2009 | Nam  | TC Quản lý ĐĐ K61A2 - PY   | III    | 3    | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm      | 5                   | 5.600.000             |
| 24          | 1361707058 | Lâu Thu        | Thủy   | 14/04/2009 | Nữ   | TC VTHC K61B2 - ML         | III    | 3,8  | XS   | 90   | XS  | HB XS   | Luật - nội vụ | 5                   | 5.330.000             |
| <b>Tổng</b> |            |                |        |            |      |                            |        |      |      |      |     |         |               |                     | <b>124.715.000</b>    |

**Danh sách này có: 24 học sinh**

**DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**  
**KHỐI TRUNG CẤP K62 HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025-2026**  
*(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-CĐSL ngày           /6/2026 của trường Cao đẳng Sơn La*

| TT             | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN     |        | NGÀY SINH  | GIỚI | LỚP                       | HỌC KỲ | KQHT |      | KQRL |     | Mức HB  | Khoa        | Số tháng/ học kỳ | Số tiền HB 5 tháng |
|----------------|------------|---------------|--------|------------|------|---------------------------|--------|------|------|------|-----|---------|-------------|------------------|--------------------|
|                |            |               |        |            |      |                           |        | TBC  | XL   | Điểm | XL  |         |             |                  |                    |
| 1              | 1362562024 | Lò Thị        | Liên   | 07/02/2010 | Nữ   | TC CNTY K62A2 - PY        | I      | 3,14 | Giỏi | 94   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm    | 5                | 5.950.000          |
| 2              | 1362709013 | Mùa Thị       | Cổng   | 22/11/2010 | Nữ   | TC CTXH K62A1 - YC        | I      | 3    | Giỏi | 92   | XS  | HB Khá  | Luật Nội vụ | 5                | 6.625.000          |
| 3              | 1362212010 | Cầm Văn       | Khang  | 21/10/2010 | Nam  | TC Điện - nước K62A1 - SM | I      | 2,71 | Khá  | 86   | Tốt | HB Khá  | KT-KT       | 5                | 7.950.000          |
| 4              | 1362714032 | Đặng Huyền    | Nga    | 22/04/2009 | Nữ   | TC HD DL K62B1 - VH       | I      | 3,36 | Giỏi | 96   | XS  | HB Giỏi | VH-NT-DL    | 5                | 7.125.000          |
| 5              | 1362718073 | Quảng Thị     | Nguyệt | 28/10/2010 | Nữ   | TC Lâm sinh K62C1 - ML    | I      | 3,13 | Giỏi | 94   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm    | 5                | 5.950.000          |
| 6              | 1362718076 | Vàng A        | Trộng  | 05/09/2010 | Nam  | TC Lâm sinh K62C1 - ML    | I      | 3,13 | Giỏi | 94   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm    | 5                | 5.950.000          |
| 7              | 1362534036 | Hoàng Thị     | Hậu    | 18/06/2010 | Nữ   | TC NVBH K62B1 - QN        | I      | 3,45 | Giỏi | 96   | XS  | HB giỏi | KT-KT       | 5                | 5.800.000          |
| 8              | 1362705039 | Mùa Thị       | Kia    | 22/03/2009 | Nữ   | TC THU'D K62B1 - SM       | I      | 3,56 | XS   | 98   | XS  | HB XS   | KT-KT       | 5                | 9.200.000          |
| 9              | 1362705056 | Sộng Thị      | Nhịa   | 26/06/2010 | Nữ   | TC THU'D K62B1 - SM       | I      | 3,13 | Giỏi | 94   | XS  | HB Giỏi | KT-KT       | 5                | 8.450.000          |
| 10             | 1362111048 | Lò Thị        | Hương  | 17/02/2010 | Nữ   | TC TT & BVTV K62B1 - SM   | I      | 3,14 | Giỏi | 94   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm    | 5                | 5.950.000          |
| 11             | 1362111061 | Cút Thị Hoàng | Uyên   | 05/01/2010 | Nữ   | TC TT & BVTV K62B2 - SM   | I      | 3,14 | Giỏi | 94   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm    | 5                | 5.950.000          |
| 12             | 1362707066 | Vàng Thị      | Xia    | 19/06/2010 | Nữ   | TC VTHC K62B2 - ML        | I      | 3,08 | Giỏi | 92   | XS  | HB Giỏi | Luật Nội vụ | 5                | 5.800.000          |
| 13             | 1362702002 | Hồ Thị        | May    | 16/05/2009 | Nữ   | TC KTDN K62A1 - BY        | I      | 3,07 | Giỏi | 89   | Tốt | HB Giỏi | KT-KT       | 5                | 5.800.000          |
| 14             | 1362201008 | Lù Khánh      | Ninh   | 23/01/2010 | Nữ   | TC Dịch vụ PL K62A1       | I      | 3,33 | Giỏi | 81   | Tốt | HB Giỏi | Luật Nội vụ | 5                | 6.125.000          |
| 15             | 1362702042 | Trịnh Mỹ      | Duyên  | 20/10/2002 | Nữ   | TC Kế toán DN K62B1       | I      | 3,86 | XS   | 90   | XS  | HB XS   | KT-KT       | 5                | 6.550.000          |
| 16             | 1362207030 | Hà Gia        | Hân    | 25/02/2011 | Nữ   | TC NT BDMDGDT K62A1       | I      | 3,36 | Giỏi | 90   | XS  | HB Giỏi | VH-NT-DL    | 5                | 5.800.000          |
| 17             | 1362538006 | Giảng Thị     | Doăng  | 26/12/2010 | Nữ   | TC Pháp luật K62A1        | I      | 2,81 | Khá  | 72   | Khá | HB Khá  | Luật Nội vụ | 5                | 5.625.000          |
| 18             | 1362585016 | Vì Thị Diệp   | Mai    | 16/10/2010 | Nữ   | TC BVMT, ĐT K62A1 - TC    | I      | 3,25 | Giỏi | 95   | XS  | HB Khá  | KT-KT       | 5                | 6.625.000          |
| 19             | 1362111096 | Lò Văn        | Thắng  | 01/09/2010 | Nam  | TC TT & BVTV K62B2 - TC   | I      | 3,14 | Giỏi | 94   | XS  | HB Giỏi | Nông Lâm    | 5                | 5.950.000          |
| <b>Tổng số</b> |            |               |        |            |      |                           |        |      |      |      |     |         |             |                  | <b>123.175.000</b> |

**Danh sách này có: 19 học sinh**